

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày 28-01-2022

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 21, 24, 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 402/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 687/2021/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương T; sinh năm 1981; địa chỉ: Số A, đường N, khóm 4, phường 9, thành phố C, Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kiều L1, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp X1, xã H1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1980 (có mặt, lúc tuyên án vắng mặt);

2/ Ông Lê Minh T1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Phương Thuý - Người đại diện theo ủy quyền chị Phạm Thị Kiều L1 trình bày:

Ngày 08/9/2017 dương lịch, bà Nguyễn Phương T có cho vợ chồng ông Lê Minh T1, bà Đỗ Thị H vay số tiền 300.000.000 đồng, có làm biên

nhận. Lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng/300.000.000 đồng (không có ghi trong Biên nhận, chỉ thỏa thuận bằng miệng).

Sau khi vay tiền ông T1, bà H đã thanh toán lãi cho bà T đến ngày 08/9/2018 thì ngưng cho đến nay, mỗi tháng 9.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là 108.000.000 đồng.

Do đó, bà Nguyễn Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Minh T1, bà Đỗ Thị H trả cho bà T tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 300.000.000 đồng và số tiền lãi suất 1,66%/tháng, thời gian từ ngày 08/9/2018 đến ngày 08/11/2021 = $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 38 \text{ tháng} = 189.240.000 \text{ đồng}$.

Tổng vốn và lãi là 489.240.000 đồng.

Đối với khoản lãi ông T1, bà H đã thanh toán cho bà T. Bà T không đặt ra yêu cầu gì.

Khi vay, bà H và ông T1 không có cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà T.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Vào năm 2015, bà Đỗ Thị H và chồng là ông Lê Minh T1 có cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Phương T để vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng (6.000.000 đồng/tháng). Sau đó vay thêm 100.000.000 đồng (không nhớ thời gian), góp 1.320.000 đồng/ngày.

Ngày 08/9/2017 dương lịch, vợ chồng ông T1, bà H và bà T chót nợ với nhau. Tổng số tiền ông T1, bà H còn thiếu bà Nguyễn Phương T là 300.000.000 đồng. Ông T1 và bà H đồng ý ký tên vào Biên nhận này.

Sau ngày 08/9/2017, thì ông T1, bà H có trả góp cho bà T số tiền 400.000 đồng/ngày. Đến ngày 10/7/2018, bà T có làm Biên nhận, nội dung ông T1, bà H có mượn của bà T số tiền 336.000.000 đồng. Biên nhận không có ai ký tên. Sau ngày 10/7/2018 ông T1, bà H tiếp tục trả góp cho bà T mỗi ngày 400.000 đồng cho đến tháng 7 năm 2020, thì ông T1, bà H không còn khả năng thanh toán nợ cho bà T. Bà H thương lượng với bà T là cho bà H trả cho bà T 300.000 đồng/ngày, nhưng bà T không đồng ý và khởi kiện ông T1, bà H ra Tòa án.

Tại phiên tòa, bà H xác định đã góp cho bà T đến tháng 7 năm 2020, mỗi ngày 400.000 đồng nhưng không có biên nhận, giấy tờ. Việc bà H trả tiền cho bà T có những người ở xóm biết, tuy nhiên bà H không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng. Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét đối trừ khoản lãi mà bà H đã thanh toán cho bà T, bà H cũng không đặt ra yêu cầu về thời hiệu khởi kiện của vụ án.

Bị đơn bà Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H cho rằng khi vay tiền có cầm cố cho bà T.

Đối với bị đơn ông Lê Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng cho ông T1, nhưng ông T1 vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Lê Minh T1 vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Minh T1.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Phương T và bị đơn bà Đỗ Thị H thống nhất xác định:

Bà Đỗ Thị H và ông Lê Minh T1 có vay tiền của bà Nguyễn Phương T và hai bên có thỏa thuận lãi suất.

Ngày 08/9/2017 dương lịch, vợ chồng ông T1, bà H và bà T có làm Biên nhận nợ với nhau. Tổng số tiền ông T1, bà H nợ bà T là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Ông T1, bà H có ký tên vào Biên nhận.

Trên đây là các chứng cứ được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Nguyên đơn bà Nguyễn Phương T yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị H và ông Lê Minh T1 thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền vay còn thiếu là 300.000.000 đồng và số tiền lãi suất 1,66%/tháng, thời gian từ ngày 08/9/2018 đến ngày 08/11/2021 = 300.000.000 đồng x 1,66% x 38 tháng bằng = 189.240.000 đồng.

Tổng vốn và lãi là 489.240.000 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Xét yêu cầu của nguyên đơn,

[4] Thứ nhất, đối với khoản tiền vay 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên đơn và bị đơn bà Đỗ Thị H đều thống nhất xác định vào ngày 08/9/2017 dương lịch, vợ chồng ông T1, bà H và bà T có làm Biên nhận nợ với nhau. Tổng số tiền ông T1, bà H nợ bà T là 300.000.000 đồng. Ông T1, bà H đồng ý ký tên vào Biên nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc ông T1, bà H có nợ bà T số tiền 300.000.000 đồng, tính từ ngày 08/9/2017 là có thực tế xảy ra.

[5] Bà H cho rằng, sau ngày 08/9/2017, bà H có trả góp cho bà T mỗi ngày 400.000 đồng cho đến tháng 7 năm 2020, nhưng không có biên nhận, giấy tờ. Việc bà H trả tiền cho bà T có những người ở xóm biết, tuy nhiên bà H không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng. Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét đối trừ khoản lãi mà bà H đã thanh toán cho bà T, bà H cũng không đặt ra yêu cầu về thời hiệu khởi kiện của vụ án. Còn đối với nguyên đơn, không thừa nhận bị đơn có thanh toán tiền vốn cho nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn bà Đỗ Thị H và ông Lê Minh T1 thanh toán cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Thứ hai, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi suất 1,66%/tháng, thời gian từ ngày 08/9/2018 đến ngày 08/11/2021 = $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 38 \text{ tháng}$ bằng = 189.240.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Bị đơn và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét đối trừ khoản lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, mà chỉ xem xét về khoản lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán. Hội đồng xét xử thấy: Khi vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng nguyên đơn xác định lãi suất 3%/tháng, còn bị đơn xác định 4%/tháng. Như vậy, mặc dù có thỏa thuận lãi suất nhưng không thống nhất và có tranh chấp. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là phù hợp. Như vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán lãi suất 1,66%/tháng là cao so với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cho phù hợp, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

[7] Đối với ông Lê Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông T1 vắng mặt, cũng không có Văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án phản đối nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông T1 và bà H trả nợ cho nguyên đơn số tiền vốn vay còn thiếu. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Đỗ Thị H và ông Lê Minh T1 thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Phương T tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 300.000.000 đồng và số tiền lãi suất 0,83%/tháng, thời gian từ ngày 08/9/2018 đến ngày 08/11/2021 = $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 38 \text{ tháng}$ bằng = 94.620.000 đồng.

Tổng cộng là 394.620.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 94.620.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[8] Đối với vấn đề bị đơn bà Đỗ Thị H cho rằng khi vay tiền của bà T, thì bà H có thể chấp cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, nhưng không được nguyên đơn không thừa nhận. Tuy nhiên, bà H, bà T không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều: 463, 466, 468, 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phương T về việc buộc bị đơn bà Đỗ Thị H và ông Lê Minh T1 thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền vay còn thiếu là 394.620.000 đồng (ba trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vốn là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 94.620.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 94.620.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người phải thi hành án phải trả thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Phương T phải nộp 4.731.000 đồng. Ngày 25/11/2021, bà T có nộp tạm ứng án phí số tiền 11.785.000 đồng (Phạm Thị Kiều L1 nộp thay), theo Biên lai thu số 0000677 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Đối trừ, bà T được nhận lại số tiền 7.054.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Đỗ Thị H và ông Lê Minh T1 mỗi người phải nộp 9.865.000 đồng (chín triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn bà Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Minh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

